

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2025

Về việc: "Ly hôn".

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thuý và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: thôn ThX, xã HH, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: thôn ThX, xã HH, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Duy Đ sau thời gian tìm hiểu 05 năm thì tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TL, tỉnh Hải Hưng vào ngày 04/10/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, ông Đ thiếu trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn, cãi vã nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bà đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vì vậy, mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng nặng nề, trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù sống cùng một nhà nhưng bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm. Tháng 9 năm 2024, do mâu thuẫn vợ chồng nặng nề nên bà làm đơn xin ly hôn ông Đ rồi nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng và con chung nên bà lại rút đơn về nhưng tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Đ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy Đ.

*Tại Biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Duy Đ trình bày:* Ông và bà Phạm Thị Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TL, tỉnh Hải Hưng vào ngày 04/10/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, tính cách không hoà hợp. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau. Tháng 9/2024, bà Th đã làm đơn xin ly hôn ông tại Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về; tuy nhiên, tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện. Đến nay, bà Th có đơn xin ly hôn ông tại Tòa án thì quan điểm của ông đồng ý ly hôn với bà Th và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

*Về quan hệ con chung:* Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Duy Đ đều trình bày ông bà có một con chung là Nguyễn Trang L, sinh ngày: 02/10/1996. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Duy Đ đều trình bày ông bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản xác minh tại Công an xã HH xác định:* ông Nguyễn Duy Đ và bà Phạm Thị Th đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn ThX, xã HH, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

*Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HH thể hiện:* Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Duy Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TL, tỉnh Hải Hưng vào ngày 04/10/1996. Sau

khi kết hôn, vợ chồng bà Th và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, tính cách không hoà hợp. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau. Tháng 9/2024, bà Th đã làm đơn xin ly hôn ông Đ nhưng lại rút đơn về; tuy nhiên, tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện. Đến nay, bà Th có đơn xin ly hôn ông Đ tại Toà án thì quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Bà Th và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Trang L, sinh ngày: 02/10/1996, đã trưởng thành nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung cho vay chung, nợ riêng cho vay riêng và công sức đóng góp công sức cho hai bên gia đình, địa phương không nắm được nên đề nghị Toà án xem xét trên cơ sở trình bày của hai bên và theo quy định pháp luật. Hiện nay, ông Đ đi làm ăn xa ở đâu thì địa phương không nắm được, thỉnh thoảng ông Đ vẫn về nhà và vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Bà Phạm Thị Th có đơn và ông Nguyễn Duy Đ xin vắng mặt tại phiên tòa và bà Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông Nguyễn Duy Đ, ông Đ đồng ý ly hôn. Ngoài ra, bà Th và ông Đ không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử cho bà Phạm Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Duy Đ. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp là 300.000 đồng. Bà Th đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho bà Th và ông Đ. Bà Th có đơn và ông Đ xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Th và ông Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ vợ chồng:* Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Duy Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TL, tỉnh Hải Hưng vào ngày 04/10/1996 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của ông bà hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ được với nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng nặng nề, trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù sống cùng một nhà nhưng bà Th và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm. Tháng 9 năm 2024, bà Th làm đơn xin ly hôn ông Đ rồi nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng và con chung nên bà lại rút đơn về nhưng tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt. Bà Th xin ly hôn, ông Đ đồng ý, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Duy Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà Th xin ly hôn ông Đ phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Duy Đ đều trình bày ông bà có một con chung là Nguyễn Trang L, sinh ngày: 02/10/1996. Hiện nay, con chung đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, không phải giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Bà

Phạm Thị Th và ông Nguyễn Duy Đ đều trình bày ông bà không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Bà Phạm Thị Th xin ly hôn ông Nguyễn Duy Đ nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho bà Phạm Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Duy Đ.

2. *Về án phí*: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24 số: 0000709 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GiL. Bà Phạm Thị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Duy Đ. Bà Th và ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện GiL;
- Chi cục THADS huyện GiL;
- Các đương sự;
- UBND xã HH;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Thúy Hạnh**